

Số: 222 /BVNTTW

Hà Nội, ngày 07 tháng 3 năm 2024

THƯ MỜI

V/v cung cấp báo giá cho gói thầu: Thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải y tế nguy hại tại Bệnh viện Nội tiết Trung ương

Kính gửi: Các đơn vị cung ứng.

Trước hết, Bệnh viện Nội tiết Trung ương xin gửi lời chào trân trọng đến Quý Công ty.

Bệnh viện Nội tiết Trung ương mời các đơn vị cung ứng có đủ kinh nghiệm, năng lực tham gia báo giá cho kế hoạch mua sắm gói thầu: Thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải y tế nguy hại tại Bệnh viện Nội tiết Trung ương, với các nội dung sau:

1. Nội dung báo giá: Thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải y tế nguy hại tại Bệnh viện Nội tiết Trung ương.

2. Danh mục mời báo giá (có phụ lục kèm theo)

3. Thời hạn gửi báo giá: Trước 11h 00 phút ngày 13 tháng 03 năm 2024.

*Lưu ý: Báo giá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có), bên mời thầu không phải trả thêm bất cứ một chi phí nào khác.

4. Hiệu lực báo giá: 90 ngày kể từ ngày báo giá (Nhà cung cấp nêu rõ thông tin này trên báo giá).

5. Báo giá đảm bảo tính hợp pháp, có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và đóng dấu của Công ty.

6. Nơi nhận báo giá: Phòng Hành chính Quản trị (A407) - Bệnh viện Nội tiết Trung ương.

7. Địa chỉ: Đường Nguyễn Bô - Tứ Hiệp - Thanh Trì - Hà Nội.

8. Người nhận báo giá: Đoàn Thị Huyền - Điện thoại: 0978.928.285.

9. Email: hcqtbvnt@gmail.com

Rất mong được sự hợp tác của Quý Công ty.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, HCQT.



Phan Hoàng Hiệp

DANH MỤC

Chất thải y tế nguy hại cần thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý của Bệnh viện Nội tiết Trung ương năm 2024

(Kèm theo Thư mời báo giá số: 222/BVNTTW ngày 07 tháng 3 năm 2024)

Đơn vị tính: Việt Nam Đồng

Stt	Mã chất thải	Tên chất thải	Trạng thái (thể tồn tại)	Khối lượng dự kiến	Ký hiệu phân loại	ĐVT	Đơn giá (bao gồm VAT)				Thành tiền
							Phương án xử lý A	Phương án xử lý B	Phương án xử lý C	Phương án xử lý	
1	02 04 01	Chất thải có arsen	Lỏng	200	NH	Kg					
2	13 01 01	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	Rắn/Lỏng	82.155	NH	Kg					
3	13 01 02	Hoá chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	Rắn/lỏng	1.770	KS	Kg					
4	13 01 03	Dược phẩm gây độc tế bào thải	Rắn/lỏng	10	NH	Kg					
5	13 01 06	Hoá chất thải khác với các loại trên	Rắn	100	TT	Kg					
6	13 01 07	Dược phẩm không có thành phần gây độc tế bào thải	Rắn	50	TT	Kg					
7	13 03 02	Các thiết bị, dụng cụ y tế vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân	Rắn	170	NH	Kg					

		(như nhiệt kế)									
8	16 01 06	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	100	NH	Kg					
9	16 01 12	Pin, ắc quy thải	Rắn	20	NH	Kg					
10	18 01 02	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khí thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	Rắn	10	KS	Kg					
11	18 01 03	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) thải	Rắn	3.705	KS	Kg					
12	18 01 04	Bao bì cứng (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) thải bằng các vật liệu khác (như composit)	Rắn	100	KS	Kg					
13	18 01 09	Bao bì thủy tinh (đã chứa chất khí thải ra không phải là CTNH) thải	Rắn	1000	TT	Kg					



14	08 02 04	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	Rắn	50	KS	Kg					
15	08 02 08	Hộp chứa mực in (loại không có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực như mực in văn phòng, sách báo) thải khác với các loại trên	Rắn	50	TT	Kg					
16	130105	Vỏ hộp giấy có phủ tráng polyesster	Rắn	1000	TT	Kg					
Tổng thành tiền (đã bao gồm VAT)											
Bảng chữ:											

Lưu ý: Nhà thầu ghi chi tiết tên của từng phương án xử lý và cung cấp đơn giá tương ứng.

* Ghi chú:

NH: Nguy hại

KS: Kiểm soát

TT: Thông thường

